

THỦ TƯỚNG CHÍNH  
PHỦ  
Số: 307/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 1995

## QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 - 2010*

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Xét Tờ trình số 377/TCDL ngày 24 tháng 4 năm 1995 của Tổng cục Du lịch;*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 - 2010" số 377/TCDL ngày 24 tháng 4 năm 1995 của Tổng cục Du lịch.

**Điều 2.** Căn cứ mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế xã hội, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, điều kiện, đặc điểm và tiềm năng du lịch của mỗi vùng, mỗi địa phương, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, với phạm vi, trách nhiệm được giao, tổ chức và chỉ đạo việc triển khai "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 - 2010" trong các kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm, cũng như các đề án quy hoạch phát triển du lịch cụ thể.

**Điều 3.** Giao Tổng cục Trưởng Tổng cục Du lịch chủ trì, phối hợp với Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hoá - Thông tin và các ngành, cơ quan chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo công tác quy hoạch và phát triển du lịch phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của mỗi tỉnh, mỗi vùng, trong một thể thống nhất của cả nước, nhất là ở những địa phương có Trung tâm, khu du lịch lớn như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Đà Nẵng, Huế, Hải Phòng, Quảng Ninh.

**Điều 4.** Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**QUY HOẠCH TỔNG THỂ**  
**CỦA TỔNG CỤC DU LỊCH SỐ: 377/TCDL NGÀY 24 THÁNG 4 NĂM 1995**  
**PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM THỜI KỲ 1995 - 2010**

**I - Bối cảnh phát triển:**

Nằm ở khu vực Đông Nam Á - một khu vực đang diễn ra những hoạt động du lịch sôi động, Việt Nam có một vị trí địa lý kinh tế và giao lưu quốc tế thuận lợi để sớm hoà nhập với trào lưu phát triển du lịch của khu vực và thế giới.

1. Đầu tư phát triển du lịch Việt Nam là phù hợp với xu thế chung, phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trên phạm vi thế giới, du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống xã hội và phát triển với tốc độ ngày càng nhanh.

Trong vòng 30 năm (1960 - 1991) số khách du lịch trên thế giới tăng khoảng 64 lần, thu nhập từ du lịch đã tăng khoảng 38 lần. Với nguồn thu nhập gia tăng như vậy nhiều nước như Singapore, Thái Lan, Malaysia... đã coi du lịch như một ngành kinh tế mũi nhọn, hướng chủ yếu trong chiến lược khai thác tiềm năng, tạo việc làm, mở rộng giao lưu để phát triển kinh tế - xã hội của mình.

Hiện nay, nhịp độ tăng trưởng về số khách quốc tế và thu nhập từ du lịch của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương thuộc loại hàng đầu thế giới. Dự kiến đến năm 2010 khoảng 72 triệu người; thu nhập từ du lịch tăng khoảng 15,6%. Vai trò, vị trí của ngành du lịch trong nền kinh tế quốc dân cũng ngày càng tăng và được khẳng định.

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có và sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta hoàn toàn có đủ các điều kiện thuận lợi để phát triển, sớm đưa du lịch của nước ta hoà nhập vào trào lưu phát triển du lịch của khu vực và thế giới.

2. Tiềm năng du lịch của nước ta phong phú, đa dạng:

Nằm ở vị trí cửa ngõ giao lưu quốc tế, Việt Nam có điều kiện để phát triển giao thông cả về đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không nối với các quốc gia trên thế giới.

Tài nguyên du lịch Việt Nam đa dạng, giàu bản sắc cả về thiên nhiên (bãi biển, hang động, nước nóng, nước khoáng, đảo, lớp phủ thực vật và thế giới động vật quý hiếm, nhiều cảnh quan tự nhiên độc đáo điển hình...) lẫn nhân văn (các di tích lịch sử, nghệ thuật, kiến trúc, những phong tục tập quán, các làng nghề và truyền thống văn hoá đặc sắc của các dân tộc...) tạo điều kiện cho chúng ta phát triển nhiều loại hình du lịch phong phú, hấp dẫn như: nghỉ dưỡng, thể thao, nghiên cứu khoa học, hội chợ, hội nghị, festival... dài ngày và ngắn ngày.

Tài nguyên du lịch nước ta được phân bố thành từng cụm hình thành các môi trường du lịch điển hình trong toàn quốc. Mỗi vùng, mỗi khu vực du lịch có một sắc thái riêng, tạo nên các tuyến du lịch xuyên quốc gia, không lặp lại giữa các vùng làm nhàm chán khách du lịch. Những tài nguyên du lịch này nhằm gắn các đô thị lớn, các cửa khẩu quốc tế quan trọng thuận lợi cho việc đi lại, tham quan và ăn nghỉ của du khách. Nhiều vùng như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và vùng phụ cận Hà Tây, Ninh Bình, Vĩnh Phú, Hoà Bình..., vùng biển Hạ Long - Cát Bà - Đồ Sơn (Quảng Ninh - Hải Phòng) vùng Đại Lãnh - Vạn Phong, Nha Trang (Khánh Hoà), đảo Phú Quốc (Kiên Giang), Huế - Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng - Đà Lạt và vùng đồng bằng Châu thổ sông Cửu Long..., nếu được qui hoạch và đầu tư thích đáng sẽ trở thành những trung tâm du lịch lớn có khả năng cạnh tranh với các nước khác trong khu vực và thế giới.

Trong tương lai không xa, việc nối tour du lịch đường bộ tới Malaysia - Singapore và Myanmar với tuyến du lịch Đông Dương (Việt Nam - Lào - Campuchia) thực sự sẽ khép kín lộ trình của khách du lịch quốc tế ở Đông Nam Á và sẽ tạo ra tuyến du lịch hấp dẫn trong khu vực, mở ra cho nước ta nhiều cơ hội để khai thác và phát triển du lịch với các hình thức hấp dẫn theo phong cách và truyền thống văn hoá Việt Nam.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, du lịch Việt Nam còn kém phát triển. Nếu so sánh với 5 nước Đông Nam Á trong cùng thời điểm năm 1988, Việt Nam chỉ đón lượng khách du lịch quốc tế bằng 1/10 Philippines, 1/5 Indonesia và xấp xỉ 1/40 Malaysia, Thái Lan hoặc Singapore.

Mấy năm gần đây, nhờ sự nghiệp đổi mới đất nước thu được kết quả quan trọng: kinh tế tăng trưởng, chính trị ổn định, đường lối ngoại giao đa dạng hoá, đa phương hoá, Ngành Du lịch Việt Nam có những bước tiến bộ. Nhịp độ tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam hàng năm đạt trên dưới 40%. Năm 1990 Việt Nam mới đón 250.000 khách quốc tế thì năm 1994 đã đạt trên 1.000.000, thu hẹp dần khoảng cách đón khách quốc tế so với năm nước Đông Nam Á. Số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam năm 1994 đã bằng 2/3 số khách du lịch quốc tế đến Philippines, bằng 1/4 Indonesia và xấp xỉ bằng 1/6 số khách du lịch quốc tế đến Thái Lan, Singapore hoặc Malaysia.

Lực lượng lao động trực tiếp trong ngành Du lịch tăng nhanh (năm 1992 có 21.510 lao động trong khu vực Nhà nước, đến năm 1993 đã có 36.851 lao động, tăng 72% so với năm 1992). Nhìn chung lao động trong Ngành Du lịch chưa được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ một cách hệ thống. Một số liên doanh đã tự đào tạo dưới hình thức tại chỗ hoặc ở nước ngoài. Hiện nay đã có những mạng lưới đào tạo du lịch từ công nhân kỹ thuật đến đại học, tuy nhiên còn thiếu những cơ sở đào tạo có qui mô hiện đại để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành.

Kết cấu hạ tầng tuy đã có những bước phát triển nhất định, song nhìn chung còn ở tình trạng thấp kém, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch. Hiện nay việc phát triển du lịch ở nước ta còn phân tán và đơn điệu, mới chỉ tập trung vào việc xây dựng khách sạn. Việc xây dựng các khu du lịch, các khách sạn chưa được tính toán kỹ lưỡng, cả về quy hoạch và thiết kế nên dẫn đến tình trạng xây dựng tràn lan, nhiều nơi, đặc biệt là ở các vùng ven biển, vùng có khả năng xây dựng phát triển các loại hình du lịch đã gây nên những tác động tiêu cực đối với cảnh quan, môi trường. Mặt khác, sự chuẩn bị để hoà nhập với du lịch thế giới về nhận thức, tổ chức bộ máy, con người, cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh nghiệm và hiểu biết về quản lý điều hành du lịch chưa đáp ứng yêu cầu, có mặt chưa tốt; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quản lý, thúc đẩy phát triển du lịch chưa chặt chẽ, trong khi sự cạnh tranh du lịch trong vùng lại ngày càng trở nên gay gắt. Mâu thuẫn giữa sự tăng trưởng khách du lịch với năng lực phục vụ như: khách sạn, cơ sở lưu trú, dịch vụ kỹ thuật, giữa phát triển du lịch với phát triển kết cấu hạ tầng, giữa mở cửa thu hút khách với việc bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội đang là những trở ngại và thách thức đối với ngành Du lịch.

3. Vị trí, vai trò của du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội:

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, du lịch được xác định là "ngành kinh tế quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước" (Nghị quyết số 45/CP ngày 22/6/1993 của Chính phủ) và "là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước" (Chỉ thị số 46/CT-TW ngày 14/10/1994 của Ban Bí thư). Vì vậy đòi hỏi mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi địa phương và tổ chức xã hội, với trách nhiệm của mình, trong đó ngành Du lịch là nòng cốt, phải có nhận thức và tư duy mới, nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực của đất nước để "Phát triển mạnh du lịch, hình thành ngành công nghiệp du lịch có quy mô ngày càng tương xứng với tiềm năng du lịch to lớn của nước ta" mà Nghị quyết lần thứ VII của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã đề ra.

Trước tình hình đó, việc xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch đã trở nên cấp thiết để đề xuất một sự tiếp cận quốc gia đối với tương lai phát triển của ngành du lịch Việt Nam.

## II. Những mục tiêu và chiến lược phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 - 2010:

### 1. Những mục tiêu:

#### 1.1 Mục tiêu về kinh tế:

Tối ưu hoá sự đóng góp của ngành du lịch vào thu nhập quốc dân, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm để bước vào thập kỷ đầu của thế kỷ 21, du lịch trở thành một ngành công nghiệp tương xứng với tiềm năng du lịch to lớn của đất nước.

#### 1.2 Mục tiêu an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội:

Quy hoạch phát triển du lịch nhằm thu hút ngày càng nhiều khách du lịch quốc tế đến Việt Nam, nhưng không làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

#### 1.3 Mục tiêu về môi trường:

Quy hoạch du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, với cơ chế quản lý phù hợp vừa tôn tạo, khai thác, vừa bảo vệ được các di sản thiên nhiên, cảnh quan, môi trường.

#### 1.4 Mục tiêu văn hoá - xã hội:

Quy hoạch du lịch phải gắn liền với việc giữ gìn phát huy truyền thống văn hoá, nhân phẩm của con người Việt Nam; đồng thời khai thác các di sản văn hoá nghệ thuật có giá trị, giàu bản sắc dân tộc, các di tích lịch sử, công trình văn hoá nổi tiếng, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm phát triển du lịch và văn hoá có chất lượng cao của các nước, nâng cao các tiêu chuẩn của ngành để đa dạng hoá các sản phẩm du lịch Việt Nam. Song song với phát triển du lịch quốc